

PGS, TS. PHẠM VĂN LINH
TS. NGUYỄN TIẾN HOÀNG

**NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU VÀ MỚI
TRONG**

CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XI CỦA ĐẢNG

(TÀI LIỆU THAM KHẢO PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU
HỌC TẬP VÀ VẬN DỤNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XI)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU VÀ MỚI
TRONG
CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XI
CỦA ĐẢNG

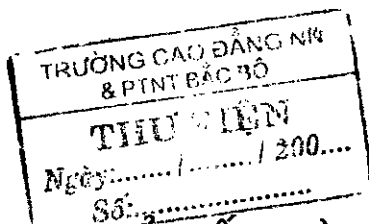
(TÀI LIỆU THAM KHẢO PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU
HỌC TẬP VÀ VĂN DỤNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XI)

1978
(1978)

1978

Mã số: $\frac{3KV4}{CTQG-2011}$

PGS, TS. PHẠM VĂN LINH
TS. NGUYỄN TIẾN HOÀNG



**NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU VÀ MỚI
TRONG
CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XI
CỦA ĐẢNG**

(TÀI LIỆU THAM KHẢO PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU
HỌC TẬP VÀ VẬN DỤNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XI)

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2011**

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra từ ngày 12 đến ngày 19 tháng 1 năm 2011 tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã tổng kết quá trình 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Chiến lược 2001 - 2010 và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, định hướng cho toàn Đảng, toàn dân ta tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nên tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để giúp bạn đọc có thêm tư liệu nghiên cứu, quán triệt, học tập các văn kiện Đại hội XI, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách *Những nội dung chủ yếu và mới trong các văn kiện Đại hội XI của Đảng (Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, học tập và vận dụng Nghị quyết Đại hội XI)* của PGS, TS. Phạm Văn Linh và TS. Nguyễn Tiến Hoàng. Cuốn sách tập trung phân tích những nội dung chủ yếu và mới của các văn kiện Đại hội XI của Đảng.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 5 năm 2011

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

100

THE HISTORY OF THE UNITED STATES

The history of the United States is a story of growth and change. It begins with the first settlers who came to the eastern coast of North America. These settlers were mostly from Europe, and they brought with them the culture and customs of their home countries. Over time, these settlers and their descendants became known as the American people.

The American people have a long and rich history. They have fought for freedom and independence, and they have built a nation that is known for its diversity and innovation. The American people have made many contributions to the world, and they continue to do so today.

The history of the United States is a story of many different people and cultures. It is a story of people who have come from all over the world and who have built a new life in a new land. The American people are a mix of many different backgrounds, and this has made them a unique and vibrant nation.

The American people have a strong sense of history and a deep respect for the values of freedom and democracy. They have fought for these values throughout their history, and they continue to do so today. The American people are proud of their history and their achievements, and they are committed to building a better future for themselves and for the world.

The American people are a people of many talents and abilities. They are a people who are always looking for new ways to improve themselves and their country. The American people are a people who are always moving forward, and they are always making progress.

LỜI NÓI ĐẦU

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng diễn ra từ ngày 12 đến ngày 19 tháng 1 năm 2011, đã thông qua các văn kiện quan trọng: *“Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” (bổ sung, phát triển năm 2011)*, *“Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020”*, *“Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng”*, *Điều lệ Đảng (khóa XI)...*

Để đưa các văn kiện Đại hội XI vào cuộc sống, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 17-3-2011 về học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, trong đó nêu rõ: *“Cần tổ chức thảo luận, phân tích cơ sở lý luận, thực tiễn, nhận thức rõ các quan điểm cơ bản, những điểm mới của các văn kiện...”*. Nhằm giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân trong cả nước có thể **nắm bắt nhanh và dễ ghi nhớ** những nội dung chủ yếu và mới của các văn kiện Đại hội XI phục vụ việc nghiên cứu, học tập và vận dụng vào thực tiễn đời sống, công tác, chúng tôi biên soạn cuốn sách *Những nội dung chủ yếu và mới trong các văn kiện Đại hội XI của Đảng (Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, học tập và vận dụng Nghị quyết*

Đại hội XI). Việc xác định những nội dung chủ yếu và mới là vấn đề lớn và khó, luôn đòi hỏi phải được nghiên cứu, bổ sung và phát triển. Vì vậy, những nội dung được trình bày trong tài liệu này, bên cạnh sự cố gắng, chắc chắn khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự quan tâm, góp ý của bạn đọc.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng được ra mắt ngày 19 tháng 1 năm 2011 đã thông qua các văn kiện trong "Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" (bộ sáng phát triển năm 2011) "Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020". Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Biên tập Đảng (khóa XI)...

Để đưa các văn kiện Đại hội XI vào cuộc sống, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 17-3-2011 về học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, trong đó nêu rõ: "Cần tổ chức thảo luận, phân tích cơ sở lý luận, thực tiễn, nhận thức rõ các quan điểm cơ bản, những điểm mới của các văn kiện...". Nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong cả nước có thể nêu bật những vấn đề ghi nhớ những nội dung chủ yếu và mới của các văn kiện Đại hội XI phục vụ việc nghiên cứu học tập và vận dụng vào thực tiễn đời sống, công tác, chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế, xã hội và môi trường trong các văn kiện Đại hội XI của Đảng (tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, học tập và vận dụng Nghị quyết

... (kể từ năm 1991 trở thành ...)
... (kể từ năm 1991 trở thành ...)
... (kể từ năm 1991 trở thành ...)

Phần thứ nhất

NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ CÁC VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XI

...
...
...
I. VỀ CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN NĂM 2011)
...
1. Vào cuối thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, bối cảnh thế giới đã có nhiều biến đổi sâu sắc; chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội... trải qua thử thách gay gắt...
...
Trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, gọi tắt là *Cương lĩnh năm 1991*.
...
Trong *Cương lĩnh năm 1991*, Đảng Cộng sản Việt Nam trình bày thái độ của mình về quá trình cách mạng Việt Nam, do Đảng lãnh đạo từ khi thành lập; đánh giá của Đảng về thời đại; về tình hình quốc tế và trong nước; về chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; về chủ nghĩa xã hội; đề ra mục tiêu và phương hướng phát triển đất nước trong suốt thời kỳ quá độ.

Cương lĩnh năm 1991 trở thành vũ khí tư tưởng, lý luận, định hướng về tư tưởng và lý luận cho toàn Đảng, toàn dân tiếp tục đi theo con đường xã hội chủ nghĩa trong điều kiện thế giới đầy khó khăn và phức tạp.

2. Sau 20 năm kể từ khi Cương lĩnh năm 1991 ra đời, tình hình trong nước và thế giới đã có những biến đổi sâu sắc. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, quá trình toàn cầu hóa tiếp tục diễn ra mạnh mẽ; Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào thế giới và khu vực, ngày càng được nhiều nước công nhận là nền kinh tế thị trường; giao lưu văn hóa, xã hội diễn ra mạnh mẽ... Trước tình hình đó đòi hỏi Đảng phải bày tỏ rõ quan điểm, thái độ của mình và định hướng con đường đi lên của đất nước trong thời kỳ từ nay đến giữa thế kỷ XXI. Do đó, Đại hội XI của Đảng thông qua **Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)**.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011), gọi tắt là **Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)**, kế thừa những quan điểm, tư tưởng cơ bản của Cương lĩnh năm 1991 như:

- Tiếp tục khẳng định: Kể từ khi thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam làm cách mạng và đã thu được những thành tựu to lớn. Đó là: lật đổ chế độ thuộc địa nửa phong kiến, đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do; tiến

hành hai cuộc kháng chiến thắng lợi, lập lại hòa bình, thống nhất nước nhà; thực hiện đường lối đổi mới, đem lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân... Bên cạnh đó, Đảng cũng phạm một số sai lầm, khuyết điểm.

- Tiếp tục khẳng định những bài học kinh nghiệm lớn mà Cương lĩnh năm 1991 đưa ra.

- Tiếp tục khẳng định về chủ nghĩa tư bản vẫn còn tiềm năng phát triển nhưng bản chất của nó không thay đổi; về thời đại ngày nay vẫn là thời đại loài người đang đi lên chủ nghĩa xã hội (khẳng định loài người nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội); về chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã đạt được những thành tựu to lớn; về cách mạng khoa học và công nghệ, toàn cầu hóa; về các vấn đề xã hội, những khó khăn của chủ nghĩa xã hội...

- Tiếp tục khẳng định về những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các mục tiêu mà chúng ta cần đạt được qua một số giai đoạn.

- Tiếp tục khẳng định những phương hướng cơ bản chúng ta cần thực hiện để đạt được các mục tiêu đã đề ra.

- Tiếp tục khẳng định nội dung cơ bản trong các định hướng phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục khẳng định về vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với xã hội; về bản chất của Đảng; về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng; về phương hướng củng cố, xây dựng Đảng...

3. Mặc dù về cơ bản kế thừa các quan điểm, tư tưởng của Cương lĩnh năm 1991. nhưng **Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)** cũng có nhiều **điểm mới** (bổ sung và phát triển) so với Cương lĩnh năm 1991 như:

Thứ nhất, những quan điểm, tư tưởng kế thừa được trình bày chặt chẽ, khoa học hơn, gọn hơn, phù hợp với nhận thức và ngôn ngữ hiện nay.

Thứ hai, bổ sung thành tựu của cách mạng sau 20 năm kể từ khi Cương lĩnh năm 1991 ra đời.

Thứ ba, bổ sung, cụ thể hóa một số nội dung trong một số bài học, kinh nghiệm lớn.

Thứ tư, bổ sung đánh giá, về đặc điểm của giai đoạn hiện nay của thời đại là sự cùng tồn tại hòa bình của các nước có chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau; về xu thế lớn của bối cảnh thế giới ngày nay (hòa bình, độc lập dân tộc, hợp tác và phát triển bên cạnh xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp đất đai, tài nguyên...); các nước xã hội chủ nghĩa còn lại tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản, công nhân phục hồi nhưng còn khó khăn; châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phát triển năng động...

Thứ năm, về những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng bổ sung hai đặc trưng: đặc trưng bao trùm (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh) và đặc trưng về nhà nước (có Nhà

nước pháp quyền mà khi đó, vào năm 1991 chưa được
 nhận thức thống nhất), đồng thời điều chỉnh đặc trưng
 về kinh tế (cơ cấu hệ sản xuất) tiến bộ phù hợp thay
 cho chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu)
 và một số đặc trưng khác. *Chiến lược phát triển*

Thứ sáu, bổ sung; cụ thể hóa một số nội dung về
 con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam
Thứ bảy, bổ sung; phát triển một số nội dung trong
 các phương hướng cơ bản qua đó đi lên chủ nghĩa xã
 hội ở Việt Nam.

Thứ tám, bổ sung nội dung về việc cần nắm vững
 và giải quyết tốt các mối quan hệ trong thực hiện các
 phương hướng cơ bản

Thứ chín, xác định lại, điều chỉnh mục tiêu phát
 triển đất nước. *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội*

Thứ mười, điều chỉnh bổ sung nhiều điểm mới
 trong định hướng phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã
 hội cụ thể.

Thứ mười một, phát triển cách diễn đạt về bản chất
 của Đảng cho phù hợp hơn với nhiệm vụ đoàn kết toàn
 dân tộc trong giai đoạn hiện nay...

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI
 2011-2020

1. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm là
 một văn kiện quan trọng của Đảng, trong đó trình bày
 đánh giá, nhận định của Đảng về tình hình kinh tế xã

hội của đất nước và của thế giới vào thời điểm đề ra Chiến lược và dự báo bối cảnh quốc tế, trong nước trong 10 năm sẽ thực hiện Chiến lược; đánh giá thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của việc thực hiện đường lối hoặc Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn trước (nếu có); rút ra các bài học kinh nghiệm, trên cơ sở đó, đề ra các mục tiêu chiến lược, quan điểm phát triển cho giai đoạn 10 năm sau; từ đó, đề ra kế hoạch dài hạn, định hướng phát triển trên từng lĩnh vực để thực hiện các mục tiêu, quan điểm chiến lược.

2. Cho đến nay, Đảng ta đã xây dựng và thực hiện hai chiến lược 10 năm: Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010.

- Việc thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 đã đưa nước ta *ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội* kéo dài từ cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 đã đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm *nước đang phát triển có thu nhập trung bình*.

- Việc thực hiện thành công Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 sẽ đưa nước ta *cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*.

3. Qua kiểm điểm tình hình thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 cho thấy, phần lớn các mục tiêu đặt ra đã được thực hiện; tuy nhiên những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng.

Trên cơ sở phân tích nguyên nhân của thành tựu, hạn chế, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 đã rút ra bốn bài học chủ yếu phục vụ cho việc xây dựng và thực hiện Chiến lược cho giai đoạn sau. Trong các bài học, cần lưu ý một số vấn đề:

- Vấn đề phát huy dân chủ, khơi dậy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc.

- Vấn đề về chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của phát triển.

- Vấn đề về độc lập chủ quyền, ổn định chính trị - xã hội.

Trong thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010, Việt Nam đã đạt được những thành tựu lớn như vậy là do biết phát huy sức mạnh tổng hợp: đoàn kết, phát huy sáng tạo của người dân, nội lực và sức mạnh quốc tế (đầu tư, công nghệ nước ngoài...); đã tạo được môi trường thuận lợi cho phát triển. Đó là sự ổn định chính trị - xã hội, giữ vững độc lập, chủ quyền... Tuy nhiên, thành tựu bị hạn chế nhiều, tăng trưởng nhanh nhưng giá phải trả quá đắt... Sở dĩ như vậy do chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề chất lượng, tính bền vững. Không chỉ trong phát triển kinh tế mà trong các lĩnh vực khác, vấn đề chất lượng và hiệu quả cũng không được quan tâm đầy đủ.

4. Trên cơ sở phân tích tình hình quốc tế và trong nước hiện nay, dự báo cho giai đoạn 2011-2020, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 đã đặt ra mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2020: nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát trên, Chiến lược đề ra các mục tiêu chủ yếu trên các lĩnh vực.

So với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001-2010 thì các mục tiêu này không phải là cao. Tuy thế, do giai đoạn 2001-2010 tăng trưởng kinh tế của ta chủ yếu dựa vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, mà càng ngày các yếu tố này càng cạn kiệt, giảm vai trò. Chính vì vậy, nếu trong giai đoạn 2011-2020 không có đổi mới trong quan điểm phát triển thì cũng khó đạt được mục tiêu đặt ra.

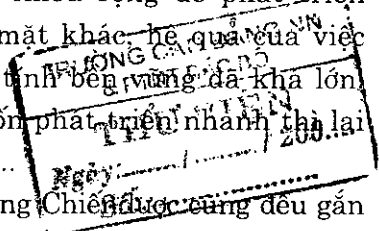
5. Chiến lược đề ra 5 quan điểm phát triển. Những quan điểm này được rút ra từ các bài học kinh nghiệm và từ thực tế thực hiện Chiến lược 2001-2010.

Trong 5 quan điểm thì quan điểm 1: "*Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược*" là quan điểm xuyên suốt, là nền tảng.

Cả phát triển nhanh và bền vững đều là yêu cầu đối với nước ta hiện nay. Nếu Việt Nam không tranh

1. Mục tiêu này đã được Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 và Nghị quyết Đại hội Đảng IX đề ra.

thủ thời cơ, vượt qua thách thức để phát triển nhanh thì khó đạt được mục tiêu về cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020 và sẽ tụt hậu ngày càng xa các nước trong khu vực và trên thế giới. Phát triển nhanh là yêu cầu bức thiết và là điều kiện để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đầu tư vào nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng... - điều kiện để bảo đảm tính bền vững. Đồng thời, giai đoạn hiện nay khác với giai đoạn trước, các yếu tố phát triển theo chiều rộng để phát triển nhanh đã suy giảm nhiều, mặt khác, hệ quả của việc không chú ý đúng mức đến tính bền vững đã khá lớn. Vì vậy, ở giai đoạn này, muốn phát triển nhanh thì lại phải bảo đảm tính bền vững...



- Các quan điểm khác trong Chiến lược cũng đều gắn chặt với quan điểm trên và đều gắn bó chặt chẽ với nhau.

- Khác với hai chiến lược trước đây, lần đầu tiên Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 nêu **3 khâu đột phá** ở phần trọng tâm của Chiến lược¹. Đây là những giải pháp phải thực hiện để phá vỡ các “điểm nghẽn” cản trở sự phát triển bền vững, tạo ra sức bật cho sự phát triển.

Đây là nhận thức rất mới của Chiến lược lần này.

6. Chiến lược đề ra các định hướng phát triển kinh tế - xã hội cho các lĩnh vực.

1. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 cũng trình bày 3 đột phá nhưng ở phần tổ chức thực hiện.

Điểm mới của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 so với các chiến lược trước là đặt ra một định hướng xuyên suốt các lĩnh vực. Đó là định hướng chung **“đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế”**: chuyển từ mô hình tăng trưởng chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu; cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiệu quả, hiện đại, bền vững...

Định hướng này xuất phát từ quan điểm phát triển nhanh gắn với phát triển bền vững.

Định hướng phát triển của tất cả các lĩnh vực cụ thể đều phải quán triệt theo định hướng chung này. Ví dụ, trong định hướng chiến lược cho phát triển quan hệ sản xuất, phải đi theo hướng phục vụ cho việc đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao tính hiệu quả, chất lượng, tính bền vững của nền kinh tế; trong xây dựng kế hoạch phát triển công nghiệp, xây dựng, phải chú ý việc nâng cao chất lượng, tính cạnh tranh của ngành...

Chiến lược đề ra định hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước như là *điều kiện, giải pháp* để thực hiện thắng lợi Chiến lược, tức là chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế.

III. VỀ BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X TẠI ĐẠI HỘI XI

1. Báo cáo chính trị là văn kiện quan trọng của Đại hội Đảng, trong đó, trên cơ sở đánh giá tình hình thực

hiện nhiệm vụ của nhiệm kỳ trước, dự báo bối cảnh trong nước và quốc tế 5 năm tới, đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cho 5 năm tới cho các lĩnh vực kinh tế - xã hội: kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, đối ngoại...

2. Điểm đặc biệt của Báo cáo chính trị lần này là bao gồm cả những nội dung căn bản của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Báo cáo xây dựng Đảng; đồng thời cũng gồm cả đánh giá về 20 năm thực hiện *Cương lĩnh năm 1991* và 10 năm thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010*.

3. Về mặt nội dung, Báo cáo chính trị tại Đại hội XI thực chất là định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 5 năm 2011-2015, do đó, Báo cáo chính trị là sự triển khai, cụ thể hóa những định hướng mà Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 đã đề ra. Những quan điểm, nhận định, phương hướng, mục tiêu... của Báo cáo chính trị đều phải nhất quán với quan điểm, nhận định, phương hướng, mục tiêu... của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020.

4. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội nêu trong Báo cáo chính trị là sự cụ thể hóa định hướng nêu trong Chiến lược, do đó, nội dung, tính chất về căn bản giống nhau. Nếu định hướng cốt lõi của Chiến lược là **“đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế”** (chuyển từ mô hình tăng trưởng chủ yếu phát triển

theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu; cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiệu quả, hiện đại) thì định hướng cốt lõi của Báo cáo chính trị cũng như vậy. Cách trình bày của Báo cáo chính trị cũng tương tự cách trình bày của Chiến lược, nhưng cụ thể và chi tiết hơn.

Phần thứ hai

**BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ ĐẤT NƯỚC
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

I- BỐI CẢNH QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Quan niệm về thời đại và đặc điểm của thời đại ngày nay

a) Quan niệm về thời đại

Hiện nay, khái niệm thời đại được quan niệm theo những cách khác nhau. Trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, có thể quan niệm: *thời đại là một giai đoạn tương đối dài của lịch sử, được xác định trên cơ sở phân kỳ lịch sử phát triển xã hội loài người thành các hình thái xã hội khác nhau*¹.

Theo quan niệm này, *thời đại được hiểu là giai đoạn lịch sử của xã hội loài người tương ứng với một hình thái xã hội hay quá độ từ hình thái xã hội này sang hình thái xã hội khác.*

1. Phân biệt với khái niệm "thời đại" trong ngành lịch sử như "thời đại đồ đá cũ", "thời đại đồ đá mới"...

Mỗi thời đại, đến lượt mình, lại được phân kỳ thành các giai đoạn lịch sử cụ thể hơn, ngắn hơn, dựa trên những tiêu chí nhất định, gọi là *các giai đoạn của thời đại*.

Trong giới nghiên cứu ngày nay, cũng có nhiều cách phân chia lịch sử thành các hình thái xã hội theo những cách khác nhau. Tuy nhiên, có hai cách tiếp cận phổ biến nhất là:

- Cách tiếp cận “nền văn minh” dựa trên tính chất nhất định của lực lượng sản xuất. Theo cách này, lịch sử đã trải qua hai thời đại là “văn minh nông nghiệp” và “văn minh công nghiệp” và hiện nay đang bước vào thời đại “văn minh hậu công nghiệp”.

- Cách tiếp cận “hình thái kinh tế - xã hội” của chủ nghĩa Mác - Lênin dựa trên đặc điểm của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cùng với kiến trúc thượng tầng chính trị - xã hội tương ứng.

Theo cách tiếp cận “hình thái kinh tế - xã hội” của chủ nghĩa Mác - Lênin, hiện nay lịch sử loài người đã trải qua bốn hình thái kinh tế - xã hội là **xã hội cộng sản nguyên thủy, xã hội chiếm hữu nô lệ, xã hội phong kiến, xã hội tư bản chủ nghĩa** và hiện nay đang trong **thời đại quá độ từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội cộng sản chủ nghĩa**.

Khi nghiên cứu về mỗi thời đại, chúng ta cần làm rõ một số đặc điểm sau đây:

- Đặc điểm của các phương thức sản xuất và sự biến đổi, thay thế địa vị lẫn nhau (phân tích cả hai mặt: lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất) trong thời đại.

- Những mâu thuẫn xã hội cơ bản của thời đại¹.

- Những xu hướng lớn của thời đại.

- Những vấn đề nổi bật của thời đại (bao gồm cả những vấn đề tự nhiên và những vấn đề về con người và hoàn cảnh, môi trường sống của họ...).

Khi nghiên cứu các giai đoạn của thời đại, cần làm rõ biểu hiện của những đặc điểm trên trong các giai đoạn đó. Đặc biệt, cần chú ý so sánh đặc điểm của các giai đoạn với nhau.

b) Đặc điểm của thời đại ngày nay

Thời đại của lịch sử xã hội loài người theo quan niệm trên có thể phân thành hai loại: thời đại thống trị của một hình thái kinh tế - xã hội và thời đại quá độ từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác. Trong thời đại thống trị của một hình thái kinh tế - xã hội, chỉ có *một phương thức sản xuất thống trị*, còn các phương thức sản xuất khác đều là những phương thức bị chi phối. Trong thời đại quá độ, có ít nhất hai phương thức sản xuất song song tồn tại, cùng chi phối đời sống xã hội, nhưng không có phương thức sản xuất nào có địa vị thống trị tuyệt đối. Đó là thời đại

1. Mâu thuẫn là sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.

đan xen giữa “cái cũ” và “cái mới”, giữa phương thức sản xuất đã từng thống trị nhưng không còn thống trị nữa và phương thức sản xuất mới hoặc những nhân tố của nó đã ra đời nhưng chưa thắng thế...

Theo cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội, thời đại ngày nay, tức là thời đại lịch sử mà chúng ta đang sống, là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản. Nhưng hiện nay chưa có chủ nghĩa xã hội - giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản - nên *thời đại ngày nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.*

Thời đại ngày nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội nên thời đại ngày nay phải chứa đựng những đặc điểm cơ bản sau:

- **Đặc điểm lớn nhất của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ trong đó chủ nghĩa tư bản vẫn còn tồn tại¹, chủ nghĩa xã hội hay những nhân tố của nó đã ra đời, ngày càng phát triển nhưng chưa thắng thế hoàn toàn** và luôn luôn phải đấu tranh với chủ nghĩa tư bản. Do đó:

+ Mâu thuẫn chung nhất của thời đại này là *mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội*, hay giữa chủ nghĩa tư bản với những nhân tố xã hội chủ nghĩa.

1. Chủ nghĩa tư bản còn tồn tại thì những mâu thuẫn cơ bản của nó cũng còn tồn tại (mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với tính chất tư nhân của quan hệ sản xuất; mâu thuẫn giữa tư bản và lao động, giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân...).

+ Xu hướng lớn nhất của thời đại ngày nay là sự tiến lên của lịch sử theo chiều hướng tiến bộ và chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) kế thừa Cương lĩnh năm 1991 tiếp tục khẳng định: *“Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”*¹).

Ở các giai đoạn khác nhau của thời đại, các đặc điểm trên được biểu hiện dưới hình thức và mức độ khác nhau. Ví dụ, ở giai đoạn này chủ nghĩa tư bản thắng thế, nhưng ở giai đoạn khác chủ nghĩa xã hội có thể thắng thế hoặc ở giai đoạn khác nữa là sự cùng tồn tại hòa bình của các chế độ xã hội khác nhau... Cũng tùy từng giai đoạn mà tiềm năng phát triển của chủ nghĩa tư bản ở trình độ nào. Nếu chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển thì những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó vẫn tiếp tục ảnh hưởng mạnh mẽ đến xã hội loài người...

- Một trong những đặc điểm của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển không ngừng của khoa học, kỹ thuật, kéo theo đó là quá trình quốc tế hóa, toàn cầu hóa và kinh tế tri thức.

Ưu thế của chủ nghĩa tư bản so với chế độ phong kiến là nó thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của khoa

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.69.

học và kỹ thuật, sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất. Điều này tất yếu dẫn đến quá trình quốc tế hóa lực lượng sản xuất và đời sống xã hội... Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội không những không hạn chế sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, quá trình quốc tế hóa mà còn thúc đẩy sự phát triển của chúng lên bước mới. Chính vì vậy, *một trong những đặc điểm lớn của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và kỹ thuật, quá trình quốc tế hóa và toàn cầu hóa.*

Những đặc điểm và xu hướng của thời đại biểu hiện khác nhau trong mỗi giai đoạn của nó.

2. Đặc điểm giai đoạn hiện nay của thời đại ngày nay

Hãy tạm xác định **giai đoạn hiện nay** của thời đại ngày nay là khoảng thời gian từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX (sau khi thế giới trải qua những biến động chính trị - xã hội to lớn - bước chuyển từ *giai đoạn trước* của thời đại sang *giai đoạn hiện nay* của thời đại ngày nay). Với việc xác định như vậy, giai đoạn này có những đặc điểm¹ sau:

- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.67-69.

(điểm mới của giai đoạn hiện nay so với giai đoạn trước là vai trò của công nghệ thông tin, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ).

- Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới¹ biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển (trong giai đoạn này, biểu hiện của các mâu thuẫn cơ bản không gay gắt mà ngấm ngấm, ít bộc lộ ra ngoài...).

- Các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt... Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn² (trong khi một trong những xu hướng lớn của giai đoạn trước là sự phân cực và chiến tranh lạnh...).

- Chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển; khủng hoảng kinh tế, xã hội, chính trị tiếp tục xảy ra; chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục nhưng còn gặp nhiều khó khăn; các nước xã hội chủ nghĩa còn lại tiếp tục phát triển thông qua cải cách, đổi mới...

- Cục diện 'thế giới đa cực hình thành ngày càng rõ nét (thay cho cục diện hai cực của giai đoạn trước)³.

1. Các mâu thuẫn của thời đại ngày nay.

2. Một biểu hiện của xu thế chủ nghĩa xã hội của thời đại.

3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.183.

- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động, nhưng tiềm ẩn nhân tố bất ổn định.

- Nhân dân thế giới đang đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu cấp bách như: môi trường, biến đổi khí hậu, bùng nổ dân số, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố, tội phạm...

- Những năm gần đây, tình hình thế giới biến đổi **nhANH, phức tạp và khó lường** cả về môi trường thiên nhiên (biến đổi khí hậu, thảm họa thiên nhiên...) lẫn các biến cố xã hội (cả kinh tế, tài chính và chính trị, xã hội...).

3. Dự báo bối cảnh quốc tế trong thời gian tới

- Giai đoạn hiện nay của thời đại ngày nay sẽ tiếp tục kéo dài vài thập niên tới. Những đặc điểm của giai đoạn hiện nay của thời đại sẽ tiếp tục tồn tại và chắc chắn có sự biến đổi ở mức độ nhất định; nhiều đặc điểm có sự gia tăng về quy mô, mức độ.

- Trong 5, 10 năm tới, ngoài những đặc điểm chung cho cả giai đoạn hiện nay, có một số đặc điểm đáng lưu ý¹:

+ Có sự phối hợp giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ trong việc giải quyết các xung đột, tranh chấp, ứng phó với thảm họa thiên nhiên, biến đổi khí hậu, kể cả các vấn đề xã hội như tội phạm, chiến tranh, khủng bố...

+ Quan hệ hợp tác của khu vực Đông Nam Á đạt bước phát triển mới: hình thành Cộng đồng ASEAN có Hiến chương, dựa trên ba trụ cột là chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội.

1. *Sđd*, tr.95-98; 182-184.

+ Việc tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu trở thành yêu cầu của các quốc gia.

+ Con người và tri thức trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia.

+ Tương quan sức mạnh của các nền kinh tế thay đổi; xuất hiện những liên kết mới; diễn ra quá trình tái cấu trúc các nền kinh tế và thể chế tài chính toàn cầu; khủng hoảng còn để lại hậu quả nặng nề, chủ nghĩa bảo hộ trở dậy; sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn...

II- TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC SAU 80 NĂM CÁCH MẠNG (1930-2010), 20 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH 1991, 10 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC 2001-2010 VÀ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X

1. Những thắng lợi của 80 năm cách mạng Việt Nam

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do.

- Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng Mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

- Thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, tiếp tục

đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Với những thắng lợi đã giành được:

+ Nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.

+ Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội.

+ Đất nước ta đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn nhiều.

Trong lãnh đạo, Đảng có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, có những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan. Đảng đã nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, tự đổi mới, chỉnh đốn để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

2. Thành tựu và hạn chế sau 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991

a) Thành tựu

- Đất nước ta ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình; có sự thay đổi cơ bản và toàn diện trên các lĩnh vực.

- Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh.

- Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường.

- Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao.

Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục vững bước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.

b) Hạn chế

- Nước ta mới bắt đầu ra khỏi nhóm nước đang phát triển có thu nhập thấp¹ nên kinh tế còn lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.

- Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị còn nhiều yếu kém; nhiều trường hợp chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

1. Năm 2010, GDP bình quân đầu người của nước ta vượt ngưỡng 1.000 USD. Năm 2007, GDP bình quân đầu người của nhóm nước có thu nhập thấp (gồm 59 nước) là <935 USD (nguồn: Ngân hàng Thế giới năm 2008).

- Việc huy động và sử dụng các nguồn lực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước chưa tương xứng với tiềm năng.

- Tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa bị đẩy lùi.

3. Thành tựu và hạn chế sau 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010

a) Thành tựu

- Đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình.

- Nhiều mục tiêu chủ yếu của Chiến lược 2001 - 2010 đã được thực hiện, đạt bước phát triển mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất.

- Kinh tế tăng trưởng nhanh, đạt tốc độ bình quân 7,26%/năm. Năm 2010, tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người đạt 1.168 USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực.

- Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện.

- Các lĩnh vực văn hoá, xã hội đạt thành tựu quan trọng trên nhiều mặt, nhất là xóa đói, giảm nghèo.

- Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt.

- Dân chủ trong xã hội tiếp tục được mở rộng.

- Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững. Công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế được

triển khai sâu rộng và hiệu quả, góp phần tạo môi trường hòa bình, ổn định và tăng thêm nguồn lực cho phát triển đất nước.

- Diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi. Thế và lực của nước ta vững mạnh thêm nhiều; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên, tạo ra những tiền đề quan trọng để đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hóa và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

b) Hạn chế, yếu kém

- Những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng. Kinh tế phát triển chưa bền vững. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp; tăng trưởng kinh tế vẫn dựa nhiều vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu.

- Các lĩnh vực văn hoá, xã hội có một số mặt yếu kém chậm được khắc phục.

- Môi trường ở nhiều nơi đang bị ô nhiễm nặng; tài nguyên, đất đai chưa được quản lý tốt.

- Thể chế kinh tế thị trường, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm nghẽn cản trở sự phát triển.

Nền tảng để Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa được hình thành đầy đủ. Vẫn đang tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội và đe dọa chủ quyền quốc gia.

4. Thành tựu và hạn chế sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X (2006-2010)

a) Thành tựu

- Nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, tiềm lực và quy mô nền kinh tế tăng lên, nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển.

- Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá và các lĩnh vực xã hội có tiến bộ, bảo vệ tài nguyên, môi trường được chú trọng hơn; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện.

- Quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa có tiến bộ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố.

- Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh, hiệu lực và hiệu quả hoạt động được nâng lên.

- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tăng cường, đạt một số kết quả tích cực.

b) Hạn chế, yếu kém

- Kinh tế phát triển chưa bền vững; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, cơ hội và yêu cầu phát triển của đất nước; một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch.

- Các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, xã hội, môi trường còn nhiều hạn chế, yếu kém, gây bức xúc xã hội.

- Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế.

- Dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế và quản lý đất nước.

- Công tác xây dựng Đảng còn nhiều hạn chế, yếu kém, chậm được khắc phục.

5. Đánh giá tổng quát

- Nhìn tổng quát, 5 năm qua, toàn Đảng, toàn dân ta đã nỗ lực phấn đấu đạt được **những thành tựu quan trọng**.

- Mười năm thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010* là giai đoạn đất nước ta thực sự đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đã đạt được **những thành tựu to lớn và rất quan trọng**.

- Những thành tựu đạt được trong 20 năm thực hiện Cương lĩnh là **to lớn và có ý nghĩa lịch sử**.

III. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Những bài học kinh nghiệm lớn rút ra từ thực tiễn 80 năm cách mạng Việt Nam

- Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

- Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

2. Những bài học lớn trong thực hiện Cương lĩnh năm 1991

- Bài học về giải quyết mối quan hệ giữa thực hiện những quan điểm có tính nguyên tắc, đúng đắn của Cương lĩnh và không ngừng bổ sung, phát triển Cương lĩnh đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, không giáo điều, chủ quan; tôn trọng quy luật khách quan, coi thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý.

- Bài học về tính đồng bộ, hệ thống trong thực hiện Cương lĩnh; đồng bộ trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, đồng bộ trong cả hệ thống quan điểm, đường lối của Đảng, luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân.

- Bài học về lựa chọn bước đi, xác định trọng tâm, trọng điểm trong từng giai đoạn: lấy đổi mới kinh tế là

trọng tâm, đồng thời đổi mới hệ thống chính trị từng bước vững chắc; lấy phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, xây dựng văn hoá làm nền tảng tinh thần của xã hội; từ ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đến đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới.

3. Những bài học chủ yếu rút ra từ thực tiễn phát triển đất nước và kết quả thực hiện Chiến lược 10 năm 2001-2010

- Phát huy dân chủ, khơi dậy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển đất nước.

- Đặc biệt coi trọng chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng.

- Bảo đảm độc lập tự chủ và chủ quyền quốc gia, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước.

- Bảo đảm gắn kết chặt chẽ, hiệu quả giữa tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

4. Một số kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội X

- Trong bất kỳ điều kiện và tình huống nào, phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Phải thực sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, đồng thời duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô.

- Phải coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- Đặc biệt chăm lo củng cố, xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

- Trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo phải rất nhạy bén, kiên quyết, sáng tạo, bám sát thực tiễn đất nước.

Phần thứ ba
NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN KIỆN
ĐẠI HỘI XI

I- NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CƯƠNG LĨNH
XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN NĂM 2011)

**1. Những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội
chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng**

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Do nhân dân làm chủ.
- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp.
- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.
- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.
- Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

2. Một số mục tiêu phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ

a) Mục tiêu khi kết thúc thời kỳ quá độ

Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

b) Mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI

Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Những phương hướng cơ bản phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

- Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

4. Những mối quan hệ lớn cần nắm vững và giải quyết tốt

- Mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển.

- Mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.

- Mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

- Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- Mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế.

- Mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;... Không phiến diện, cực đoan, duy ý chí.

5. Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại

a) Về kinh tế

- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.

- Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

b) Về văn hóa, xã hội

- Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hoá gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.

- Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển.

- Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội...

- *Khoa học và công nghệ* giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- *Bảo vệ môi trường* là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân.

- *Chính sách xã hội* đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó *các giai cấp, các tầng lớp dân cư* đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi.

- Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa *các dân tộc*, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

- Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do *tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo* của nhân dân theo quy định của pháp luật.

c) Về quốc phòng, an ninh

- Mục tiêu, nhiệm vụ của *quốc phòng, an ninh* là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hoà bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm

mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

- Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

d) Về đối ngoại

Thực hiện nhất quán đường lối *đối ngoại* độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

6. Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng

- *Dân chủ xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước.

- Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

- *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*, các *đoàn thể nhân dân* có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia

xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước.

- Các đoàn thể nhân dân tuỳ theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã được xác định, vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên chấp hành luật pháp, chính sách; chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ về mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

II- NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2011-2020

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược.

- Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển.

- Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao; đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

2. Mục tiêu chiến lược và khâu đột phá

a) Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

b) Mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường

- Về kinh tế

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 7 - 8%/năm. GDP năm 2020 theo giá so sánh bằng khoảng 2,2 lần so với năm 2010. GDP bình quân đầu người theo giá thực tế đạt khoảng 3.000 USD.

Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Xây dựng cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ hiện đại, hiệu quả. Tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm khoảng 85% trong GDP. Giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 45% trong tổng GDP. Giá trị sản phẩm công nghiệp chế tạo chiếm khoảng 40% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Nông nghiệp có bước phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 30 - 35% lao động xã hội.

Yếu tố năng suất tổng hợp đóng góp vào tăng trưởng đạt khoảng 35%; giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP 2,5 - 3%/năm. Thực hành tiết kiệm trong sử dụng mọi nguồn lực.

Kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, với một số công trình hiện đại. Tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 45%. Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%.

- Về văn hóa, xã hội

Xây dựng xã hội dân chủ, kỷ cương, đồng thuận, công bằng, văn minh. Đến năm 2020, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt nhóm trung bình cao của thế giới; tốc độ tăng dân số ổn định ở mức khoảng 1%; tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi; đạt 9 bác sĩ và 26 giường bệnh trên một vạn dân¹, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; lao

1. Không kể số giường bệnh của các trạm y tế cấp xã.

động qua đào tạo đạt trên 70%, đào tạo nghề chiếm 55% tổng lao động xã hội; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,5 - 2%/năm; phúc lợi xã hội, an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe cộng đồng được bảo đảm. Thu nhập thực tế của dân cư gấp khoảng 3,5 lần so với năm 2010; thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa các vùng và nhóm dân cư. Xoá nhà ở đơn sơ, tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt 70%, bình quân 25 m² sàn xây dựng nhà ở tính trên một người dân.

Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến năm 2020, có một số lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế đạt trình độ tiên tiến, hiện đại. Số sinh viên đạt 450 trên một vạn dân.

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; con người phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật.

- Về môi trường

Cải thiện chất lượng môi trường. Đến năm 2020, tỷ lệ che phủ rừng đạt 45%¹. Hầu hết dân cư thành thị và nông thôn được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh. Các cơ sở sản xuất kinh doanh mới thành lập phải áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 80% các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn về môi trường. Các đô thị loại 4

1. Kể cả diện tích cây công nghiệp lâu năm.

trở lên và tất cả các cụm, khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung. 95% chất thải rắn thông thường, 85% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn. Cải thiện và phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm nặng. Hạn chế tác hại của thiên tai; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng.

c) Các đột phá chiến lược

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính.

- Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

3. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

- Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh.

- Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững.

- Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh.

- Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông.

- Phát triển hài hoà, bền vững các vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới.

- Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hoà với phát triển kinh tế.

- Phát triển mạnh sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới toàn diện và phát triển nhanh giáo dục và đào tạo.

- Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững.

- Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

- Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bảo đảm thực hiện thắng lợi Chiến lược.

- Thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường.

- Hoàn thiện bộ máy nhà nước, tạo bước chuyển mạnh về cải cách hành chính.

- Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước.

III- NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA BÁO CÁO CHÍNH TRỊ

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu phát triển đất nước giai đoạn 2011-2015

a) Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

b) Các chỉ tiêu chủ yếu

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2011 - 2015: 7,0 - 7,5%/năm. Năm 2015, GDP bình quân đầu

người khoảng 2.000 USD; cơ cấu GDP: nông nghiệp 17 - 18%, công nghiệp và xây dựng 41 - 42%, dịch vụ 41 - 42%; sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 35% tổng GDP; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 12%/năm, giảm nhập siêu, phấn đấu đến năm 2020 cân bằng được xuất nhập khẩu. Vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm đạt 40% GDP. Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước đạt 23 - 24% GDP; giảm mức bội chi ngân sách xuống 4,5% GDP vào năm 2015. Giải quyết việc làm cho 8 triệu lao động. Tốc độ tăng dân số đến năm 2015 khoảng 1%. Tuổi thọ trung bình năm 2015 đạt 74 tuổi. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 đạt 42 - 43%...

2. Nhiệm vụ phát triển đất nước giai đoạn 2011-2015

a) Những nhiệm vụ chủ yếu

- Ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển bền vững; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực; phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế tri thức. Tập trung giải quyết vấn

để việc làm và thu nhập cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tạo bước tiến rõ rệt về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm tỉ lệ hộ nghèo; cải thiện điều kiện chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. Tiếp tục xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Bảo vệ môi trường, chủ động phòng tránh thiên tai, ứng phó có hiệu quả với tình trạng biến đổi khí hậu.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, trật tự an toàn xã hội; ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch; mở rộng, nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, chính quyền địa phương; đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách tư pháp; thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên học tập và làm

theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

b) Các nhiệm vụ trên các lĩnh vực

- Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh, bền vững

+ Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

+ Phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, tiếp tục tạo nền tảng cho một nước công nghiệp và nâng cao khả năng độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

+ Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn.

+ Phát triển các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại, du lịch và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

+ Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

+ Phát triển kinh tế - xã hội hài hoà giữa các vùng đô thị và nông thôn.

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

+ Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường.

+ Phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.

+ Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.

+ Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức; bảo vệ môi trường

+ Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo.

+ Phát triển và nâng cao hiệu quả của khoa học, công nghệ; phát triển kinh tế tri thức.

+ Coi trọng bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chăm lo phát triển văn hóa

+ củng cố và tiếp tục xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, phong phú, đa dạng.

+ Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật; bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hoá truyền thống, cách mạng.

+ Phát triển hệ thống thông tin đại chúng.

+ Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về văn hoá.

- *Thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển*

+ Tập trung giải quyết tốt chính sách lao động, việc làm và thu nhập.

+ Bảo đảm an sinh xã hội.

+ Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ nhân dân và công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em.

+ Đấu tranh phòng, chống có hiệu quả tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông.

- *Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*

+ Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ.

+ Tăng cường tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và kiến thức quốc phòng, an ninh, làm cho mọi người hiểu rõ những thách thức lớn tác động trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới.

+ Tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh cả về tiềm lực và thế trận; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững mạnh; xây dựng thế trận lòng dân vững chắc trong thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

+ Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có số lượng hợp lý, với chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu cao, đồng thời quan tâm xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

+ Bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh.

- *Triển khai đồng bộ, toàn diện hoạt động đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*

+ Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

+ Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tối đa nội lực, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế.

+ Thúc đẩy giải quyết các vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ, ranh giới biển và thềm lục địa với các nước liên quan trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực;

làm tốt công tác quản lý biên giới, xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

+ Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân; giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hoá; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh.

- Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

+ Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân; cán bộ, công chức phải hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân.

+ Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh mới. Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xoá bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan

dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội.

- *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

+ Nâng cao nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

+ Tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

+ Tích cực thực hành tiết kiệm, phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí.

- *Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng*

+ Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị.

+ Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận.

+ Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.

+ Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị.

+ Kiện toàn tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên.

+ Đổi mới công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

+ Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.

+ Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

c) Những nhiệm vụ trọng tâm

Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

- Cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, sinh hoạt của nhân dân.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế của đất nước.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, nhất là hệ thống giao thông, yếu tố đang gây ách tắc, cản trở sự phát triển kinh tế, gây bức xúc trong nhân dân.

- Đổi mới quan hệ phân phối, chính sách tiền lương, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; khắc phục tình trạng bất hợp lý và tác động tiêu cực của quan hệ phân phối, chính sách tiền lương, thu nhập hiện nay.

- Tập trung giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc (suy thoái đạo đức, lối sống, tệ nạn xã hội, trật tự, kỷ cương xã hội).

- Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí để thực sự ngăn chặn, đẩy lùi được tệ nạn này.

Phần thứ tư
NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA CÁC VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI XI

**I- NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG
ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA
XÃ HỘI (BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN NĂM 2011)**

1. Về kết cấu của Cương lĩnh

Có 3 điểm thay đổi so với Cương lĩnh năm 1991:

- Bổ sung, phát triển mục III “Những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại” thành “Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại”.

- Chuyển nội dung về “giáo dục và đào tạo”, “khoa học và công nghệ” ở phần kinh tế sang phần về văn hoá.

- Đánh số thứ tự lại trong mỗi phần của Cương lĩnh cho dễ theo dõi hơn.

2. Về quá trình cách mạng Việt Nam

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), bổ sung thành tựu do 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991

dem lại (“thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”) và *nhận định chung* về kết quả chung mà các thắng lợi đã mang lại trong hơn 80 năm qua:

- Nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa;

- Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội;

- Đất nước ta đã thoát khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới.

3. Về những bài học kinh nghiệm

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) vẫn giữ 5 bài học như Cương lĩnh năm 1991, *bổ sung một số nội dung* và điều chỉnh cách diễn đạt cho chính xác hơn:

- Bổ sung vào bài học thứ hai: “Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân, sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”.

- Chính xác hoá một số từ ngữ cho đúng với thực tế ở bài học thứ năm: “*sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam*” thay cho “nhân tố hàng đầu **bảo đảm**” của Cương lĩnh năm 1991.

- Khắc phục cách diễn đạt trùng lặp ở các bài học thứ nhất, thứ ba, thứ tư, bỏ ý nghĩa của từng bài học (vì cả 5 bài học đều là 5 bài học kinh nghiệm lớn xuyên suốt hơn 80 năm qua).

4. Về bối cảnh quốc tế

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định những luận điểm của Cương lĩnh năm 1991, đồng thời có những điểm mới là:

- Về cuộc cách mạng khoa học và công nghệ và quá trình quốc tế hóa.

So với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung “kinh tế tri thức”; thay “quốc tế hóa” bằng “toàn cầu hóa”.

- Về đặc điểm của giai đoạn hiện nay:

+ Đưa ra nhận định mới: Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn.

+ Bổ sung nhiều hình thức biểu hiện khác như: xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên và cạnh tranh quyết liệt về lợi ích kinh tế.

+ Nhận định mới về đặc điểm nổi bật của giai đoạn hiện nay: các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc (thay cho nhận định của Cương lĩnh năm 1991: cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội).

- Về các nước đang phát triển:

+ Bổ sung khẳng định về khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á (phát triển năng động, nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định).

+ Lòng thêm nhận định về các nước đang phát triển và kém phát triển.

- Về chủ nghĩa xã hội:

+ Tiếp tục khẳng định về vai trò của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa (không nhận định về nguyên nhân sụp đổ).

+ Bổ sung nhận định về thành tựu của các nước xã hội chủ nghĩa theo đường lối cải cách, đổi mới.

+ Bổ sung nhận định về bước phục hồi của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

- Về chủ nghĩa tư bản:

+ Tiếp tục khẳng định về bản chất của chủ nghĩa tư bản; khẳng định chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển.

+ Nhấn mạnh và bổ sung nhận định về khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra để thấy rõ bản chất của các cuộc khủng hoảng, suy thoái gần đây trên thế giới và khu vực.

- Về các vấn đề toàn cầu: bổ sung các vấn đề mới như khủng bố, biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Tiếp tục khẳng định về tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

5. Về đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ hai nội dung mới quan trọng:

- Nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: Quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen (Cương lĩnh năm 1991 chỉ nêu yêu cầu về sự cần thiết phải có *bước đi, hình thức, biện pháp* thích hợp).

- Chỉ rõ những thuận lợi cơ bản:

+ Có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, có bản lĩnh chính trị vững vàng và dày dặn kinh nghiệm lãnh đạo (bổ sung so với Cương lĩnh năm 1991).

+ Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt; nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, có truyền thống đoàn kết và nhân ái, cần cù lao động và sáng tạo, luôn luôn ủng hộ và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng (kế thừa, trình bày rõ hơn Cương lĩnh năm 1991).

+ Chúng ta đã từng bước xây dựng được những cơ sở vật chất - kỹ thuật rất quan trọng (kế thừa Cương lĩnh năm 1991).

+ Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, sự hình thành và phát triển kinh tế tri thức cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế là một thời cơ để phát triển.

Nội dung mới ở đây là về *kinh tế tri thức* và *toàn cầu hóa*.

6. Về những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) bổ sung hai đặc trưng: Đặc trưng bao trùm, tổng quát: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” và đặc trưng “có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) bổ sung, phát triển nội dung trong một số đặc trưng về chủ nghĩa xã hội như:

- Kế thừa sự bổ sung, phát triển của Đại hội X về đặc trưng “do nhân dân làm chủ”, tức là thay cụm từ “do nhân dân lao động làm chủ”.

- Điều chỉnh đặc trưng về con người.

Cương lĩnh năm 1991 xác định: “Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân”.
Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định:

“con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”, bỏ cụm từ “Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động”.

- Trình bày rõ hơn đặc trưng về dân tộc.

Cương lĩnh năm 1991 xác định: Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định: “các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”. Đây chỉ là cách diễn đạt lại cho chuẩn xác, phù hợp hơn.

- Trình bày rõ hơn đặc trưng về quan hệ quốc tế.

Cương lĩnh năm 1991 ghi: “Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) viết: “có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới” (bỏ từ “nhân dân”).

Cương lĩnh năm 1991 xác định: “Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu”. Đại hội X xác định “Có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp”.

7. Về các mục tiêu trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Về mục tiêu tổng quát:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) viết: “Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”.

So với Cương lĩnh năm 1991, có điều chỉnh một số từ ngữ: thay từ “xong” bằng từ “được”, dùng cụm từ “nền tảng kinh tế” thay cho “những cơ sở kinh tế”, bổ sung cụm từ “ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”, thay cho từ “phồn vinh”.

- Về mục tiêu của chặng đường sắp tới:

Cương lĩnh năm 1991 nêu mục tiêu của **chặng đường đầu** (của thời kỳ quá độ) là: “thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau”.

Từ Đại hội VIII đến Đại hội X, Đảng ta đều khẳng định: chúng ta đã hoàn thành mục tiêu của chặng đường đầu và đang thực hiện mục tiêu của chặng đường tiếp theo là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Vì vậy, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) phát triển Cương

lĩnh năm 1991, nêu mục tiêu **đến giữa thế kỷ XXI**: nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

8. Về những phương hướng cơ bản quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Cương lĩnh năm 1991 nêu ra 7 phương hướng cơ bản. Kế thừa cách viết như Đại hội X, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định *8 phương hướng cơ bản*. So với Đại hội X, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có bổ sung, chính xác hóa một số phương hướng.

So với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có những điểm mới:

- Thay thế phương hướng phát triển “nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước” bằng phát triển “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.

- Gắn nội dung phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường vào phương hướng công nghiệp hóa.

- Bổ sung chủ trương “thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ” và “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” vào phương hướng đối ngoại.

- Bổ sung nội dung “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân” vào phương hướng xây dựng Nhà nước.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã bổ sung nội dung về việc nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn.

9. Những định hướng lớn về phát triển kinh tế¹

a) Về xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất

So với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có một số điểm mới như:

- Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường (trong Cương lĩnh năm 1991 chưa có các khái niệm “hiện đại hóa”, “kinh tế tri thức”).

- Xây dựng cơ cấu kinh tế “có hiệu quả và bền vững” (trong Cương lĩnh năm 1991 mới có khái niệm “cơ cấu kinh tế hiện đại”).

- Công nghiệp: Thường xuyên coi trọng và phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo “có tính nền tảng” và các ngành công nghiệp “có lợi thế”.

- Kinh tế vùng: Bảo đảm “phát triển hài hòa” giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các “vùng

1. Cần lưu ý, Cương lĩnh năm 1991 dùng cụm từ “định hướng về chính sách...”, còn Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) dùng cụm từ “Định hướng về phát triển...”. Trong Cương lĩnh năm 1991, nhiều nội dung định hướng được trình bày ở các phần khác.

kinh tế trọng điểm”, đồng thời tạo điều kiện phát triển “các vùng có nhiều khó khăn” (Cương lĩnh năm 1991 chỉ nêu: “Thực hiện chuyên môn hóa và liên kết kinh tế giữa các vùng, các địa phương. Xây dựng các trung tâm kinh tế của từng vùng...”).

b) Về sở hữu, các thành phần kinh tế, quan hệ phân phối

Kế thừa Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trên cơ sở làm rõ hơn nội hàm của thành phần kinh tế này và nội hàm của khái niệm chủ đạo.

+ Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển.

Luận điểm này về cơ bản kế thừa Cương lĩnh năm 1991: “Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng”.

+ Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân (thay “kinh tế nhà nước” cho “kinh tế quốc doanh”; “cùng với” cho “và”; bổ sung cụm từ “vững chắc”)¹.

+ Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế.

1. Trong Cương lĩnh năm 1991, khẳng định này thuộc phần II: “Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta”.

Trong Cương lĩnh năm 1991 chưa đưa ra thành phần kinh tế tư nhân. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đưa ra luận điểm này nhằm tiếp tục khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của thành phần kinh tế này; đồng thời, việc xác định kinh tế tư nhân là “một trong những động lực” là không hề có ý coi nhẹ các thành phần kinh tế khác đối với sự phát triển của đất nước.

+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển

- Về chế độ phân phối: Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội (Cương lĩnh năm 1991 mới chỉ khẳng định: “Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu”).

c) Về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Trên cơ sở kế thừa nhận thức và những kết quả đạt được qua các kỳ Đại hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) định hướng như sau:

- Cương lĩnh năm 1991 đã đề ra định hướng phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sau 20 năm, trải qua các kỳ

Đại hội VIII, IX, X, Đảng đã có nhiều nhận thức, tổng kết về xây dựng quan hệ sản xuất mới. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đề ra định hướng xây dựng quan hệ sản xuất với cách diễn đạt và nội dung mới so với Cương lĩnh năm 1991: “Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối”.

- Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định việc phân định rõ quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm cho mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. So với Cương lĩnh năm 1991, chỉ thay cụm từ “phân định rõ” cho “xác định”.

- Ngoài ra, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) bổ sung, nhấn mạnh thêm một số luận điểm:

+ Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Nhà nước quản lý nền kinh tế, định hướng, điều tiết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất.

d) Về kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế

Kế thừa Cương lĩnh năm 1991, nhận thức và thực tiễn qua các kỳ Đại hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định:

Xây dựng nền kinh tế “độc lập, tự chủ”, đồng thời “chủ động, tích cực” hội nhập kinh tế quốc tế (Cương lĩnh năm 1991 chỉ nêu:... *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ* gắn với phân công và hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Đẩy mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, mở rộng kinh tế đối ngoại...).

10. Định hướng lớn về phát triển văn hoá, xã hội

a) Về định hướng phát triển văn hoá

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định, làm giàu thêm các luận điểm của Cương lĩnh năm 1991 về định hướng xây dựng nền văn hoá. Đó là các luận điểm về:

- Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại.

- Khẳng định tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; khẳng định và biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém,...

- Xây dựng nền văn hóa phong phú, đa dạng (nhấn mạnh thêm về tính thống nhất trong đa dạng),...

b) Về giáo dục và đào tạo

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định và làm phong phú thêm, chính xác hóa, bổ sung một số luận điểm của Cương lĩnh năm 1991.

- Về vị trí của giáo dục và đào tạo:

+ Tiếp tục khẳng định giáo dục, đào tạo, cùng với khoa học và công nghệ, phải được xem là quốc sách hàng đầu; bổ sung nội dung “đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển”.

+ Bổ sung nội dung: “*Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam*”.

- Về định hướng phát triển giáo dục và đào tạo:

Cương lĩnh năm 1991 khẳng định: “*Giáo dục và đào tạo gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới*”.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nâng luận điểm này lên cao hơn: “*Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời*”.

c) Về khoa học, công nghệ và môi trường

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có một số luận điểm mới so với Cương lĩnh năm 1991 là:

- Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu phát triển kinh tế tri thức.

- Nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới.

- Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ.

- Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân.

- Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phát triển “năng lượng sạch”, “sản xuất sạch” và “tiêu dùng sạch”.

- Coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với quá trình biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên.

- Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý có hiệu quả tài nguyên quốc gia.

d) Về định hướng chính sách xã hội

Trong việc định hướng đối với chính sách xã hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định những luận điểm của Cương lĩnh năm 1991, đồng thời viết gọn lại và có những bổ sung, phát triển sau:

- Vị trí của chính sách xã hội:

Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (khẳng định này nhắc lại khẳng định trong Cương lĩnh năm 1991, chỉ diễn đạt lại cho chuẩn xác hơn).

- Mối quan hệ của chính sách xã hội với kinh tế:

Kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách.

So với Cương lĩnh năm 1991, luận điểm này được trình bày chặt hơn, mở rộng hơn: Bổ sung “phát triển văn hóa, xã hội”; thay “tiến bộ xã hội” bằng “tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách”.

- Chính sách đối với đời sống của nhân dân:

+ Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; **phát triển hài hoà đời sống vật chất và đời sống tinh thần**, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, **gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.**

+ Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và **thu nhập tốt hơn. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển**; điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa

nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư.

+ Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước.

+ Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi.

+ Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

Các tư tưởng chỉ đạo nêu trong phần này về cơ bản như Cương lĩnh năm 1991, nhưng được diễn đạt, trình bày mới hơn, có bổ sung, phát triển (các từ in đậm).

Chú ý một số điểm:

Phát triển chủ trương “Khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động” (Cương lĩnh năm 1991) thành “Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa nghèo bền vững”.

Phát triển chủ trương “Thiết lập một hệ thống đồng bộ và đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội” (Cương lĩnh năm 1991) thành “Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội”.

Bổ sung chủ trương: “Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số”.

- Chính sách đối với các giai tầng xã hội:

+ Hình thành một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi.

So với Cương lĩnh năm 1991, ở đây bổ sung từ “bình đẳng” - một yêu cầu quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

+ Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

So với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung cả cụm từ “là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam” để khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

+ Xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.

So với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung “vai trò chủ thể” nhằm nâng cao vị thế của giai cấp nông dân.

+ Đào tạo, bồi dưỡng, phát huy mọi tiềm năng và sức sáng tạo của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước.

So với Cương lĩnh năm 1991, ở đây đã bổ sung cụm từ “sức sáng tạo”, một đặc trưng quan trọng của đội ngũ trí thức cần phát huy.

+ Xây dựng đội ngũ những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi, có trách nhiệm xã hội, tâm huyết với đất nước và dân tộc.

+ Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc - chủ nhân tương lai của đất nước.

So với Cương lĩnh năm 1991, đây là luận điểm mới được bổ sung trong phần này.

+ Thực hiện bình đẳng giới và hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ.

+ Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác. Hỗ trợ **đồng bào định cư ở nước ngoài** ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt pháp luật các nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước.

So với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung luận điểm về đồng bào định cư ở nước ngoài.

+ Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa *các dân tộc*, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

Luận điểm này được diễn đạt chi tiết hơn so với Cương lĩnh năm 1991.

+ Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do *tín ngưỡng, tôn giáo* và *không tín ngưỡng, tôn giáo* của nhân dân

theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

Xuất phát từ tổng kết thực tiễn xử lý vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình đổi mới, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh thêm cụm từ “theo quy định của pháp luật” nhằm khẳng định và đề cao vai trò của pháp luật trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta.

e) Về định hướng chính sách xây dựng con người

Về vấn đề con người, so với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có những luận điểm được bổ sung, phát triển sau:

- Về vị trí của vấn đề xây dựng con người:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định thái độ coi trọng vấn đề con người để khắc phục tình trạng còn coi nhẹ vấn đề con người:

Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân.

- Về trách nhiệm xây dựng con người:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định:

+ Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể

và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người... (như khảng định của Cương lĩnh năm 1991).

+ Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu phải là môi trường **rèn luyện** phong cách **làm việc** có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, **bồi đắp** tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người và nền văn hoá **Việt Nam** (về cơ bản như Cương lĩnh năm 1991).

- Về những phẩm chất cần xây dựng:

Theo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), con người cần xây dựng phải có những phẩm chất: “giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính” (về cơ bản như Cương lĩnh năm 1991).

Cùng với việc xây dựng con người là việc xây dựng gia đình: “Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp, giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách (về cơ bản như Cương lĩnh năm 1991, thêm cụm từ “hạnh phúc”).

11. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

a) Về quốc phòng, an ninh

Kế thừa nhận thức và thực tiễn qua các kỳ Đại hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) về cơ bản kế tục các luận điểm của Cương lĩnh năm 1991 về quốc phòng, an ninh, đồng thời có một số bổ sung, phát triển.

- Về mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh:

+ Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

+ Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa (bổ sung “Đảng”, “Nhà nước” so với Cương lĩnh năm 1991).

+ Giữ vững hoà bình, ổn định chính trị và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

+ Chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta (so với Cương lĩnh năm 1991 được nhấn mạnh thêm bằng cụm từ “chủ động”).

- Về trách nhiệm đối với quốc phòng, an ninh:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định việc tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó **Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.**

Như vậy, so với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh thêm trách nhiệm của Đảng, Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

- Về mối quan hệ giữa quốc phòng với an ninh, kinh tế:

+ Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

+ Sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội là nền tảng vững chắc của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong **từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch**, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và **trên từng địa bàn**.

So với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh hơn yêu cầu gắn chặt quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội (trong **từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch**, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và **trên từng địa bàn**).

- Định hướng xây dựng nền quốc phòng, an ninh:

+ Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân. **Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.**

Điểm mới của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991 là luận điểm chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

+ Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu. Xây dựng Quân đội nhân dân với số quân thường trực hợp lý, có sức chiến đấu cao; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp.

+ Xây dựng lực lượng Công an nhân dân vững mạnh toàn diện; kết hợp lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong điều kiện mới.

+ Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, **an ninh**, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang được trang bị kỹ thuật từng bước hiện đại.

Điểm mới của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991 là bổ sung nội dung “an ninh” vào nền “công nghiệp quốc phòng”.

+ Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

Điểm mới của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991 là bổ sung luận điểm về tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

b) Về định hướng chính sách đối ngoại

Trên cơ sở tiếp thu về nhận thức và hoạt động thực tiễn qua các kỳ Đại hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển

năm 2011) đã bổ sung, phát triển nhiều nội dung, luận điểm của Cương lĩnh năm 1991.

- Về mục tiêu, nhiệm vụ của chính sách đối ngoại:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định mục tiêu đã được trình bày trong Cương lĩnh năm 1991, nhưng diễn đạt cụ thể hơn: nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

- Về các định hướng đối ngoại:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định:

+ Thực hiện nhất quán đường lối *đối ngoại* độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, **chủ động và tích cực hội nhập quốc tế**; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

+ Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

+ Trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại; mở rộng quan hệ với các **đảng cánh tả, các đảng cầm quyền và những đảng khác** trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

+ Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

+ Phấn đấu cùng các nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh.

Trong các định hướng trên, so với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có rất nhiều điểm mới, bổ sung như: đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, **chủ động và tích cực hội nhập quốc tế**; là bạn, đối tác tin cậy và **thành viên có trách nhiệm** trong cộng đồng quốc tế; hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế; quan hệ với các **đảng cánh tả, các đảng cầm quyền...**

Đây là những điểm kế thừa của đường lối, chủ trương đối ngoại trong suốt quá trình đổi mới 20 năm qua.

Cương lĩnh xác định rõ hơn cơ sở của sự hợp tác: Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

12. Chính trị

- Về dân chủ xã hội chủ nghĩa:

So với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã bổ sung, phát triển như sau:

+ Khẳng định: *Dân chủ xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước.

+ Xác định: Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.

- Về Nhà nước:

So với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã bổ sung, phát triển những nội dung sau:

+ Khẳng định: Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

+ Xác định: Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân:

Cơ bản giữ như Cương lĩnh năm 1991, có bổ sung, phát triển làm rõ hơn vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân: "*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân* có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên, thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và

nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước”.

- Về Đảng Cộng sản Việt Nam:

+ Bổ sung vào Cương lĩnh cách diễn đạt bản chất của Đảng đã được Đại hội X thông qua: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”.

+ Về nền tảng tư tưởng của Đảng: Tiếp tục khẳng định “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”. **Bổ sung đoạn nói về tư tưởng Hồ Chí Minh để nhấn mạnh vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng nước ta.**

Bổ sung hoàn chỉnh hơn phương thức lãnh đạo của Đảng:

+ Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn;

+ Đảng lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên;

+ Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị;

+ Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Bổ sung một số ý về yêu cầu rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức của đảng viên.

II- NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2011-2020

1. Về đánh giá tình hình trong nước

a) Mặt tích cực

- Chiến lược nêu những mặt đạt được về kinh tế, xã hội, chính trị, diện mạo đất nước có nhiều thay đổi; vị thế trên trường quốc tế được nâng lên,...

- Đặc điểm mới nhất của tình hình nước ta hiện nay là: *Đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển (thu nhập dưới 750 USD/người), bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình (thu nhập trên 1.000 USD/người).*

b) Hạn chế, yếu kém

Chú ý hai đặc điểm liên quan đến xây dựng mục tiêu và quan điểm của Chiến lược:

- Những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng. Kinh tế phát triển chưa bền vững. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp; Tăng trưởng kinh tế vẫn dựa nhiều vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng...

- Ba “điểm nghẽn” của phát triển là:

+ Thể chế kinh tế thị trường (môi trường cạnh tranh, thủ tục hành chính);

+ Chất lượng nguồn nhân lực;

+ Kết cấu hạ tầng (chất lượng thấp, không đồng bộ).

Nền tảng để Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại *chưa được hình thành đầy đủ.*

c) Các bài học chủ yếu

Trên cơ sở phân tích nguyên nhân thành công và không thành công, Chiến lược rút ra bốn bài học chủ yếu:

- Bài học về khơi dậy sức mạnh tổng hợp.

- Bài học về coi trọng chất lượng.

- Bài học về độc lập, tự chủ.

- Bài học về giữ gìn mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

2. Về bối cảnh quốc tế

- Chiến lược dự báo trong thập niên tới, bối cảnh thế giới vẫn tiếp tục những đặc điểm cơ bản như Đại hội X và các văn kiện trước đây của Đảng đã dự báo:

+ Về tính chất thay đổi rất nhanh, phức tạp và khó lường của thế giới.

+ Về xu hướng lớn, bên cạnh đó là xung đột sắc tộc và tôn giáo, nạn khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia,...

+ Về cách mạng khoa học và công nghệ, toàn cầu hóa kinh tế.

+ Về các vấn đề toàn cầu.

- + Về đặc điểm của khu vực châu Á - Thái Bình Dương.
- Điểm mới trong dự báo của Chiến lược là:
 - + Việc tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu đã trở thành yêu cầu đối với các nền kinh tế:
 - + Khủng hoảng còn để lại hậu quả nặng nề với sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ trở thành rào cản lớn cho thương mại quốc tế...;

3. Về quan điểm phát triển

Trên cơ sở phân tích thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và các bài học, Chiến lược đề ra năm quan điểm phát triển cho giai đoạn 10 năm tới:

(1) Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược.

Điểm mới đáng lưu ý:

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

- Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phát triển nhanh và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

(2) Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Điểm mới đáng lưu ý: Đổi mới chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế theo lộ trình thích hợp, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

(3) Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển.

Điểm mới đáng lưu ý: Phải bảo đảm quyền con người, quyền công dân... tạo cơ chế để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, nhất là dân chủ trực tiếp...

(4) Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao; đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Điểm mới đáng lưu ý:

+ Phát triển nhanh, hài hòa các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp.

+ Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch.

(5) Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Điểm mới đáng lưu ý:

+ Phải xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng cao.

+ Trong hội nhập quốc tế phải luôn chủ động thích ứng với những thay đổi của tình hình.

4. Về mục tiêu chiến lược

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 chỉ nêu mục tiêu chiến lược, còn Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 phân định mục tiêu chiến lược thành mục tiêu tổng quát và các mục tiêu chủ yếu (về từng lĩnh vực lớn).

a) Về mục tiêu tổng quát

Mục tiêu tổng quát: đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại;... tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

Mục tiêu này đã được nêu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010.

b) Về các mục tiêu chủ yếu

Một số điểm mới đáng lưu ý:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân là 7-8%/năm, bằng tốc độ thực tế chúng ta đạt được trong giai đoạn 2001-2010.

+ Yếu tố năng suất tổng hợp đóng góp vào tăng trưởng đạt khoảng 35%...

Tốc độ tăng trưởng vẫn như giai đoạn trước nhưng yếu tố năng suất cao hơn. Đây là điểm mới trong việc đặt mục tiêu chứng tỏ Chiến lược rất chú trọng đến yếu tố phát triển theo chiều sâu, chất lượng tăng trưởng.

+ Kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, với một số công trình hiện đại.

+ Xây dựng xã hội dân chủ, kỷ cương, đồng thuận, công bằng, văn minh.

+ Thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

+ Xóa nhà ở đơn sơ; tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt 70%.

+ Các cơ sở sản xuất kinh doanh mới phải áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm.

+ Chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng.

Như vậy, trong các mục tiêu chủ yếu đã có nhiều chỉ tiêu mới và cụ thể, phản ánh đòi hỏi mới, bức thiết của xã hội hiện nay.

5. Về các khâu đột phá

Lần đầu tiên, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 đưa ra các khâu đột phá ở phần trọng tâm của Chiến lược, là những yếu tố chúng ta phải thực hiện cho bằng được nếu muốn đạt được các mục tiêu đề ra. Thực hiện được các khâu đột phá chính là “phá” được các “điểm nghẽn” cản trở sự phát triển đã nêu trên.

Các khâu đột phá là:

(1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính.

(2) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

(3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

6. Về định hướng phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại

Điểm mới của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 so với Chiến lược 2001-2010 là định hướng phát triển các lĩnh vực đều được trình bày trong một mục và có tiêu đề. Tiêu đề này phản ánh nội dung cốt lõi của định hướng phát triển thuộc lĩnh vực đó.

Điểm mới nổi bật của định hướng phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020 là sự **chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu**, tức là vừa mở rộng quy mô, vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững.

Định hướng trên được thể hiện trong tất cả các định hướng cho các lĩnh vực cụ thể:

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, cũng chính là nhằm nâng cao tính hiệu quả, tính bền vững cho sự phát triển.

Cần lưu ý một số điểm mới:

+ Tiếp tục đổi mới việc xây dựng và thực thi luật pháp bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

+ Kiểm soát độc quyền trong kinh doanh.

+ Chính sách tiền tệ phải chủ động và linh hoạt thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

+ Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân theo quy hoạch và quy định của pháp luật, thúc đẩy hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân...

+ Phát triển doanh nhân về số lượng và năng lực quản lý, đề cao đạo đức và trách nhiệm xã hội.

- Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh.

- Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững.

- Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh.

- Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông.

- Phát triển hài hòa, bền vững các vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới.

- Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế.

- Phát triển mạnh sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới toàn diện và phát triển nhanh giáo dục và đào tạo.

- Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững.

- Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.

- Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự. an

toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

7. Về định hướng đối với lĩnh vực chính trị

Định hướng xây dựng Nhà nước cũng như xây dựng Đảng nhằm mục tiêu thực hiện thắng lợi Chiến lược, cũng tức là đảm bảo **chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu** một cách thành công.

- Thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường.

- Hoàn thiện bộ máy nhà nước, tạo bước chuyển mạnh về cải cách hành chính.

- Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước.

III- NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TẠI ĐẠI HỘI XI CỦA ĐẢNG

1. Về chủ đề của Báo cáo chính trị (chủ đề Đại hội)

Chủ đề của Đại hội X là: *“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh*

toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”.

Tiêu đề của Báo cáo chính trị (cũng là chủ đề của Đại hội XI) là: *Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.*

Chủ đề trên gồm 4 thành tố, vừa kế thừa, vừa phát triển chủ đề của Đại hội X, vừa thể hiện tập trung, cô đọng nhất mục tiêu, nhiệm vụ, động lực của cách mạng nước ta trong những năm tới.

2. Về bố cục và tính chất của Báo cáo chính trị

a) Về bố cục

Bố cục của Báo cáo chính trị Đại hội XI tương tự như bố cục của Báo cáo chính trị Đại hội X, gồm 12 phần.

Điểm khác: Đối thứ tự một số đề mục, tiêu đề; giản lược trình bày hệ thống chính trị, ghép với mục về dân chủ; xây dựng nhà nước thành mục riêng.

b) Về tính chất của Báo cáo chính trị

Để tiếp tục đổi mới cách ra nghị quyết, Bộ Chính trị khoá X đã ra Kết luận số 49-KL/TW về một số vấn đề đổi mới cách ra nghị quyết, chỉ thị và quán triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, trong đó chỉ rõ: Đổi mới việc xây dựng các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng theo hướng tại

Đại hội sẽ có Báo cáo chính trị của Đại hội, Báo cáo về bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991, Báo cáo về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và Báo cáo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng (nếu có); **không xây dựng và trình Đại hội Báo cáo kinh tế - xã hội 5 năm và Báo cáo xây dựng Đảng (đưa các nội dung này vào Báo cáo chính trị của Đại hội)**. Như vậy, Báo cáo chính trị tại Đại hội XI bao hàm cả những nội dung cơ bản của kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội và Báo cáo xây dựng Đảng.

3. Về bối cảnh thế giới và trong nước 5 năm qua

- Về bối cảnh thế giới:

+ *Cơ bản diễn ra như dự báo:* Tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường. Tuy hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố, bất ổn chính trị - xã hội, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ vẫn diễn ra ở nhiều nơi, diễn biến phức tạp. Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng năng lượng, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu trở thành những vấn đề nghiêm trọng trên quy mô toàn thế giới.

+ *Điểm mới không lường được:* Cuộc khủng hoảng tài chính từ Mỹ lan rộng, trở thành cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu.

- Về bối cảnh trong nước:

Thời gian đầu sau Đại hội X, đất nước phát triển thuận lợi, Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức

Thương mại thế giới (WTO). Nhưng từ cuối năm 2007, đầu năm 2008, kinh tế và đời sống gặp nhiều khó khăn. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động “diễn biến hoà bình”.

4. Về đánh giá thành tựu, hạn chế, khuyết điểm

So với Đại hội X, Báo cáo chính trị nêu thêm hai hạn chế:

+ Dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ.

+ Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế và quản lý đất nước.

5. Về các bài học kinh nghiệm

So với Đại hội X, các bài học kinh nghiệm được trình bày ngắn gọn hơn, và bổ sung:

- Bài học về việc phải thực sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững.

- Bài học về việc phải coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

6. Dự báo tình hình thế giới và trong nước những năm sắp tới

Trên thế giới: So với dự báo của Đại hội X có một số điểm mới sau:

- Cục diện thế giới đa cực ngày càng rõ hơn, xu thế dân chủ hoá trong quan hệ quốc tế tiếp tục phát triển nhưng các nước lớn vẫn sẽ chi phối các quan hệ quốc tế.

- Toàn cầu hoá và cách mạng khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình hình thành *xã hội thông tin và kinh tế tri thức*.

- Kinh tế thế giới mặc dù có dấu hiệu phục hồi sau khủng hoảng nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, bất ổn; chủ nghĩa bảo hộ phát triển dưới nhiều hình thức; cơ cấu lại thể chế, các ngành, lĩnh vực kinh tế diễn ra mạnh mẽ ở các nước; tương quan sức mạnh kinh tế giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn có quan hệ ảnh hưởng nhiều với nước ta, có nhiều thay đổi.

- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, vẫn sẽ là khu vực phát triển năng động nhưng còn tồn tại nhiều nhân tố gây mất ổn định; tranh chấp lãnh thổ, biển đảo ngày càng gay gắt. Xuất hiện các hình thức tập hợp lực lượng và đan xen lợi ích mới. ASEAN tuy còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong khu vực.

Trong nước: So với Đại hội X, có *điểm mới* về những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hoá*”.

7. Về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm

- Đại hội X đặt mục tiêu: *Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020*

nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Mục tiêu trên đã đạt được nên Đại hội XI chỉ giữ lại ý: tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Đại hội X không nêu nhiệm vụ chủ yếu. Đại hội XI bổ sung **5 nhiệm vụ** chủ yếu (về kinh tế; văn hóa - xã hội; quốc phòng, an ninh, đối ngoại; về dân chủ và Nhà nước; về xây dựng Đảng).

- Về các chỉ tiêu chủ yếu:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2011 - 2015: 7,0 - 7,5%/năm (Đại hội X đặt 2006-2010 là 7,5 - 8% và không đạt).

+ Đại hội XI không đặt chỉ tiêu GDP, nhưng bổ sung nhiều chỉ tiêu khác về cơ cấu GDP, GDP bình quân đầu người, vốn đầu tư, tỷ lệ tăng dân số, tỷ lệ hộ nghèo...

8. Về chủ trương phát triển kinh tế

a) Về lực lượng sản xuất

- Đại hội X không phân thành các tiểu mục mà viết liền mạch, trong đó điểm nhấn là công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển **kinh tế tri thức**, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Đại hội XI phân thành các tiểu mục; đặc biệt nhấn mạnh:

+ **Chuyển đổi mô hình tăng trưởng** từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững.

+ **Cơ cấu lại nền kinh tế**, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại và điều chỉnh chiến lược phát triển doanh nghiệp; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế.

+ Nâng cao khả năng **độc lập, tự chủ của nền kinh tế** (bài học qua khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu).

+ Phát triển đa dạng ngành nghề, tạo điều kiện để người lao động học tập, nâng cao trình độ, tay nghề... (thực hiện **đột phá về nguồn nhân lực**).

+ Từng bước có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu.

+ Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ nhà ở cho người nghèo và các đối tượng chính sách, chương trình nhà ở cho đồng bào vùng bão, lũ; bố trí hợp lý dân cư, bảo đảm an toàn ở những vùng ngập lũ, sạt lở núi, ven sông, ven biển.

+ Tạo bước đột phá về hệ thống **kết cấu hạ tầng kinh tế** (thực hiện khâu đột phá của Chiến lược 2011-2020).

+ Đẩy mạnh việc đưa công nghiệp và dịch vụ về nông thôn để hạn chế tình trạng nông dân ra các thành phố, đồng thời không để một khu vực lãnh thổ rộng lớn nào trống vắng đô thị (điểm rất mới).

b) Về quan hệ sản xuất

- Cũng như Đại hội X, Đại hội XI tiếp tục các chủ trương xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là việc tạo môi trường bình đẳng giữa các thành phần kinh tế (một trong những đột phá nêu trong Chiến lược).

- Điểm nhấn mạnh của Đại hội XI là:

+ Tổng kết hoạt động của các Tổng công ty Đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước.

+ Hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước.

+ Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp với hình thức sở hữu hỗn hợp như: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên, công ty hợp danh, hợp tác xã cổ phần.

(Đại hội X, Đại hội XI xác định nền kinh tế nước ta hiện nay có bốn thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

9. Về văn hóa - xã hội

a) Về giáo dục, đào tạo

- Tiếp tục khẳng định chủ trương phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Nhấn mạnh việc coi trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành; nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo.

b) Về khoa học, công nghệ

- Tiếp tục khẳng định những chủ trương mà Đại hội X đã đề ra như phát triển công nghệ cao, hội nhập quốc tế.

- Nhấn mạnh thêm:

+ Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

+ Nâng cao tỷ lệ đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp vào tăng trưởng.

+ Đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học, công nghệ là khâu đột phá để thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả của khoa học, công nghệ.

c) Về môi trường

- Đại hội X không có tiểu mục về môi trường mà đề cập lồng ghép khi bàn về các vấn đề khác.

- Đại hội XI có tiểu mục riêng về môi trường: Coi trọng bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Điều này thể hiện tầm quan trọng của vấn đề môi trường trong 5 năm tới, phù hợp với chủ trương chung về phát triển bền vững.

- Điểm nhấn: Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh

vực, vùng và các chương trình, dự án đầu tư; chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với nước ta; thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu; tích cực tham gia, phối hợp cùng cộng đồng quốc tế hạn chế tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

d) Về văn hóa

Ngoài việc khẳng định tiếp tục chủ trương chăm lo phát triển văn hóa, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Báo cáo chính trị tại Đại hội XI nhấn mạnh thêm:

- Làm cho các giá trị văn hóa thấm sâu vào mọi mặt đời sống, được thể hiện cụ thể trong sinh hoạt, công tác, quan hệ hàng ngày của cộng đồng và từng con người, tạo sức đề kháng đối với các sản phẩm độc hại.

- Xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội; ngăn chặn và đẩy lùi các hủ tục, bạo lực, gây rối trật tự công cộng, mại dâm, ma túy, cờ bạc...

- Khuyến khích tìm tòi, thể nghiệm những phương thức thể hiện và phong cách nghệ thuật mới.

- Hạn chế mặt tiêu cực, ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động lợi dụng internet để truyền bá tư tưởng phản động, lối sống không lành mạnh.

- Xây dựng một số trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài...

e) Về các vấn đề xã hội

- Tiếp tục chủ trương thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển mà Đại hội X đề ra:

- Đại hội bổ sung một số điểm mới đáng lưu ý:

+ Trên cơ sở đầu tư phát triển kinh tế, phải hết sức quan tâm tới yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm cho người lao động; tạo điều kiện giải quyết ngày càng nhiều việc làm, đặc biệt là cho nông dân.

+ Kiên quyết khắc phục những bất hợp lý về tiền lương, tiền công, trợ cấp xã hội phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước; gắn cải cách tiền lương với sắp xếp, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của hệ thống chính trị.

+ Đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức xoá đói, giảm nghèo gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn; giảm nghèo bền vững.

+ Tạo điều kiện, khuyến khích người và gia đình có công tích cực tham gia phát triển kinh tế để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, có mức sống cao hơn mức sống trung bình của dân cư tại địa bàn.

+ Bảo đảm mọi công dân khi có nhu cầu và khả năng đều được đáp ứng dịch vụ y tế chất lượng cao.

+ Có chính sách cụ thể đảm bảo tỷ lệ cân bằng giới tính khi sinh.

10. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Kế thừa Đại hội X, Đại hội XI đồng thời bổ sung những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu mới đáng lưu ý:

- Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh (bổ sung công nghiệp “an ninh”); đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, nghệ thuật quân sự, an ninh, đánh thắng chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao của các lực lượng thù địch (đây là điểm mới so với Đại hội X).

- Bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh (bổ sung “nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước”).

- Nâng chủ trương “chủ động và tích cực **hội nhập kinh tế quốc tế**, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác” lên thành “chủ động và tích cực **hội nhập quốc tế**”; phát triển chủ trương “là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế” lên thành “là bạn, đối tác tin cậy và **thành viên có trách nhiệm** trong cộng đồng quốc tế”.

- Phát triển quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các đảng cầm quyền và **những đảng khác** trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ

vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển (so với Đại hội X có bổ sung quan hệ với “những đảng khác” vì trên thực tế những năm qua, chúng ta đã có quan hệ với một số đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển).

11. Về phát huy dân chủ, đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như Đại hội X.

- Các điểm mới đáng lưu ý:

+ Nghiên cứu xây dựng, bổ sung các thể chế và cơ chế vận hành cụ thể để bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và **kiểm soát** giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

+ Khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung *Hiến pháp năm 1992* (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) phù hợp với tình hình mới. Tiếp tục xây dựng, từng bước hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

+ Nghiên cứu xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch nước để thực hiện đầy đủ chức năng nguyên thủ quốc gia, thay mặt Nhà nước về đối nội, đối ngoại và thống lĩnh các lực lượng vũ trang; quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

+ Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính; giảm mạnh và bãi bỏ các loại thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và công dân. Nâng cao năng lực, chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách. Đẩy mạnh xã hội hoá các loại dịch vụ công phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (theo đột phá ghi trong Chiến lược).

+ Nghiên cứu tổ chức, thẩm quyền của chính quyền ở nông thôn, đô thị, hải đảo. Tiếp tục thực hiện thí điểm chủ trương không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường.

+ Tổng kết việc thực hiện “nhất thể hoá” một số chức vụ lãnh đạo Đảng, Nhà nước để có chủ trương phù hợp.

+ Cải cách chính sách tiền lương, thu nhập, chính sách nhà ở bảo đảm cuộc sống cho cán bộ, công chức để góp phần phòng, chống tham nhũng. Tổng kết, đánh giá cơ chế và mô hình tổ chức cơ quan phòng, chống tham nhũng để có chủ trương, giải pháp phù hợp.

12. Về tăng cường xây dựng Đảng

Những điểm mới đáng lưu ý:

- Khẩn trương triển khai cụ thể hoá, thể chế hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XI (về Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, Phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2011 - 2015 và Điều lệ Đảng (sau khi sửa đổi, bổ sung)). Gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn các nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng, tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền, cổ vũ động viên các nhân tố mới, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, giáo dục truyền thống yêu nước, cách mạng. Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, phê phán những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ ta; khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

- Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, lâu

dài của cán bộ, đảng viên, của các chi bộ, tổ chức đảng và các tầng lớp nhân dân.

- Tiếp tục xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và mô hình tổ chức của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Sớm tổng kết việc thực hiện sáp nhập một số ban, bộ, ngành trung ương để có chủ trương phù hợp. Kiện toàn, nâng cao chất lượng các cơ quan tham mưu, đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, nhất là ở cấp chiến lược.

- Tổng kết, đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm để tiếp tục thực hiện Quy định số 15-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khoá X) về đảng viên làm kinh tế tư nhân. Thực hiện thí điểm việc kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

- Có chế tài xử lý nghiêm những trường hợp chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy tội, chạy tuổi, chạy bằng cấp, chạy huân chương.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
Phần thứ nhất	
NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ	
CÁC VẤN KIẾN ĐẠI HỘI XI	
	9
I. Về Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)	9
II. Về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011- 2020	13
III. Về Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội XI	18
Phần thứ hai	
BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ ĐẤT NƯỚC	
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	
	21
I. Bối cảnh quốc tế trong giai đoạn hiện nay	21
II. Tình hình đất nước sau 80 năm cách mạng (1930- 2010), 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, 10 năm thực hiện Chiến lược 2001-2010 và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X	29

III. Những bài học kinh nghiệm	35
--------------------------------	----

Phần thứ ba

NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XI	39
---	-----------

I. Những nội dung chủ yếu của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)	39
II. Những nội dung chủ yếu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020	45
III. Những nội dung chủ yếu của Báo cáo chính trị	51

Phần thứ tư

NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XI	61
---	-----------

I. Những điểm mới của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)	61
II. Những điểm mới của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020	90
III. Những điểm mới của Báo cáo chính trị tại Đại hội XI của Đảng	98

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung: ThS. NGUYỄN MINH
ThS. BÙI ÁNH HỒNG

Trình bày bìa: PHẠM THÚY LIỄU

Chế bản vi tính: HOÀNG MINH TÁM

Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu: ÁNH HỒNG

In 5.050 cuốn, khổ 13x19 cm, tại Nhà in Sự thật.

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 18-2011/CXB/423-110/CTQG.

Quyết định xuất bản số: 385-QĐ/NXBCTQG, ngày 24-5-2011.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2011.